SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
**TRUNG TÂM GDTX HẢI PHÒNG**

Số: 11 /TB-GDTXHP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hải Phòng, ngày* 31 *tháng* 3 *năm 2025*

# LỊCH HỌC CÁC LỚP LIÊN KẾT, BỒI DƯỠNG THÁNG 4/2025

| TT | LỚP/TRƯỜNG | SĨ SỐ | PHÒNG HỌC | TUẦN 1 | | | | | | TUẦN 2 | | | | | | TUẦN 3 | | | | | | | TUẦN 4 | | | | | | | TUẦN 5 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thứ 3 01/04 | Thứ 4 02/04 | Thứ 5 03/04 | Thứ 6 04/04 | Thứ 7 05/04 | Chủ Nhật 06/04 | Thứ 3 08/04 | Thứ 4 09/04 | Thứ 5 10/04 | Thứ 6 11/04 | Thứ 7 12/04 | Chủ Nhật 13/04 | Thứ 2 14/04 | Thứ 3 15/04 | Thứ 4 16/04 | Thứ 5 17/04 | Thứ 6 18/04 | Thứ 7 19/04 | Chủ Nhật 20/04 | Thứ 2 21/04 | Thứ 3 22/04 | Thứ 4 23/04 | Thứ 5 24/04 | Thứ 6 25/04 | Thứ 7 26/04 | Chủ Nhật 27/04 | Thứ 2 28/04 | Thứ 3 29/04 |
| 1 | Luật VB2, K16<br>Đại học Luật Hà Nội | 77 | A202 | | | | T | SC | SC | | | | T | SC | SC | | | | T | T | SC | SC | | | | | T | SC | SC | | |
| 2 | Luật VB2, K17<br>Đại học Luật Hà Nội | 29 | A301 | | | | T | SC | SC | | | | T | SC | SC | | | | | T | SC | SC | | | | | | SC | SC | | |
| 3 | Luật VB2, K18<br>Đại học Luật Hà Nội | 76 | A302 | | | T | T | SC | SC | | | | T | SC | SC | | | | | T | SC | SC | | | | | T | SC | SC | | |
| 4 | Luật từ xa, K22<br>Đại học Mở Hà Nội | 144 | B301 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Luật từ xa, K23A<br>Đại học Mở Hà Nội | 31 | C305 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Luật từ xa, K23B<br>Đại học Mở Hà Nội | 75 | C301 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Nghề Công chứng K27<br>Học viện Tư pháp | 60 | B201 | | | | | | | | | | | SC | SC | | | | | | SC | S | | | | | | SC | SC | | |
| 8 | Nghề Luật sư K26<br>Học viện Tư pháp | 60 | A201 | | | | | | | | | | | SC | SC | | | | | | SC | SC | | | | | | SC | SC | | |
| 9 | E-learning các ngành<br>Đại học Mở Hà Nội | 137 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Công tác xã hội K64<br>E-learning, Đại học Vinh | 32 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T |
| 11 | Quản lý đất đai K1<br>E-learning, Đại học Huế | 9 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Ngôn ngữ Anh K1<br>E-learning, Đại học Huế | 10 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | T | T | T | T | | | | |
| 13 | Luật K1<br>E-learning, Đại học Huế | 64 | | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | | | | T | |
| 14 | Luật K2<br>E-learning, Đại học Huế | | | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | Ngôn ngữ Anh K2<br>E-learning, Đại học Huế | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| TT | LỚP/TRƯỜNG | SĨ SỐ | PHÒNG HỌC | TUẦN 1 | | | | | | TUẦN 2 | | | | | | TUẦN 3 | | | | | | | TUẦN 4 | | | | | | | TUẦN 5 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thứ 3 01/04 | Thứ 4 02/04 | Thứ 5 03/04 | Thứ 6 04/04 | Thứ 7 05/04 | Chủ Nhật 06/04 | Thứ 3 08/04 | Thứ 4 09/04 | Thứ 5 10/04 | Thứ 6 11/04 | Thứ 7 12/04 | Chủ Nhật 13/04 | Thứ 2 14/04 | Thứ 3 15/04 | Thứ 4 16/04 | Thứ 5 17/04 | Thứ 6 18/04 | Thứ 7 19/04 | Chủ Nhật 20/04 | Thứ 2 21/04 | Thứ 3 22/04 | Thứ 4 23/04 | Thứ 5 24/04 | Thứ 6 25/04 | Thứ 7 26/04 | Chủ Nhật 27/04 | Thứ 2 28/04 | Thứ 3 29/04 |
| 16 | TQ. K1<br>Trung cấp Bách khoa | 20 | C102 | | C | | C | | | | C | | C | | | | | C | | C | | | | | C | | C | | | | |
| 17 | QTMMT- CT13A,B<br>Trung cấp Bách khoa | 18 | P.máy | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | TQ. K1-14D<br>Trung cấp Bách khoa | 25 | C304 | | C | | C | | | | C | | C | | | | | C | | C | | | | | C | | C | | | | |
| 19 | TQ. K1-14E<br>Trung cấp Bách khoa | 34 | C305 | | C | | C | | | | C | | C | | | | | C | | C | | | | | C | | C | | | | |
| 20 | CNTT. K1-14A<br>Trung cấp Bách khoa | 35 | C304-<br>P.máy | | C | C | | | | | C | C | | | | | | C | C | | | | | | C | C | | | | | |
| 21 | CNTT. K1-14B<br>Trung cấp Bách khoa | 21 | C305-<br>P.máy | | C | C | | | | | C | C | | | | | | C | C | | | | | | C | C | | | | | |
| **TỔNG SỐ LỚP HỌC** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:** *Lịch học điều chỉnh (nếu có) trong trường hợp đặc biệt sẽ được GVCN thông báo tới Ban cán sự các lớp để kịp thời thông báo tới sinh viên.*

**Chú thích:**

S/C: Học cả buổi sáng và chiều; S: Học buổi sáng; C: Học buổi chiều; T: Học buổi tối.

***Nơi nhận:***
- Ban giám đốc;
- TP QLĐT-BD, TC-HC-TV (thực hiện);
- GVCN các lớp (thực hiện);
- Website;
- Lưu: VT, QLĐT-BD.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HẢI PHÒNG

**Kr Thế Thuy**